

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày 05-01-2023
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hồng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ngọc
2. Ông Cao Hoài Lượm

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm là Thư ký
Tòa án nhân dân huyện GT.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện GT: Ông Hà Duy Phúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 01 năm 2023 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện GT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Trúc P, sinh ngày 05/01/1990 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 10, ấp Đ, xã V, huyện GT, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Anh Trần Thanh M, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 10, ấp Đ, xã V, huyện GT, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 16/3/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Lê Trúc P trình bày:

Vợ chồng chị P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện GT, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29/2016, ngày 30/5/2016, hôn nhân tự nguyện không bị cưỡng ép.

Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc đến sau thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, thường hay sung khắc, không ai quan tâm ai. Đến năm 2016 thì anh M bỏ nhà đi nơi khác không rõ địa chỉ, thỉnh

thoảng anh M có về thăm con rồi lại đi tiếp. Từ đó, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn và mục đích hôn nhân cũng không đạt được.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên:

1. Trần Thị Anh Thư, sinh ngày 11/4/2008, giới tính nữ
2. Trần Thị Hồng Phấn, sinh ngày 13/5/2016, giới tính nữ

Hiện các cháu đang sống với chị P.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay chị P yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với chồng là anh Trần Thanh M

Về con chung: Chị P xin nhận nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị P, anh M không tạo lập tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Thanh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GT phát biểu cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như qua theo dõi diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định quan hệ tranh chấp, đưa người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ và tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Trúc P; chấp nhận cho chị Lê Trúc P ly hôn với anh Trần Thanh M.

Về con chung: Ghi nhận ý kiến của chị P và nguyện vọng của các cháu Thư, Phấn. Tiếp tục giao cháu Trần Thị Anh Thư, sinh ngày 11/4/2008, giới tính nữ và cháu Trần Thị Hồng Phấn, sinh ngày 13/5/2016, giới tính nữ cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị P về việc không yêu cầu anh M cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung do đương sự không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xét.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Lê Trúc P khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Thanh M đây là vụ án “*xin ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Anh

M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Đ, xã V, huyện GT, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện GT theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tố tụng: Anh Trần Thanh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng với tư cách bị đơn nhưng anh M vắng mặt không có lý do. HĐXX đã hoãn phiên tòa sơ thẩm một lần vào ngày 20/12/2022. Do đó, có căn cứ để HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Trúc P và anh Trần Thanh M chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện GT theo quy định pháp luật và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29/2016, ngày 30/5/2016 nên là hôn nhân hợp pháp. Anh, Chị chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến sau thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do xung đột tính cách, thường xuyên cãi vã, không ai quan tâm đến ai nữa. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2016 thì anh M bỏ nhà đi nhưng thỉnh thoảng có về thăm con một vài ngày rồi lại đi tiếp.

HĐXX thấy rằng quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh M đến Tòa để động viên, hòa giải nhưng anh M vắng mặt không có lý do điều này cho thấy anh M không có thiện chí để hòa giải đoàn tụ cùng với chị P. Do đó HĐXX thấy mâu thuẫn giữa chị P và anh M là trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị P xin ly hôn với anh M là có cơ sở chấp nhận.

Qua kết quả xác minh thực tế tại nơi anh M, chị P sinh sống thấy rằng: Anh M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 10, ấp Đ, xã V, huyện GT, tỉnh Kiên Giang nhưng hiện đi đâu không rõ thỉnh thoảng về thăm gia đình một vài ngày rồi tiếp tục đi. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường hay xung khắc, cự cãi nhau, không ai quan tâm ai và chị P đã không còn chung sống với anh M từ năm 2016 đến nay.

[4] Về con chung:

Anh M và chị P có 02 con chung là Trần Thị Anh T, sinh ngày 11/4/2008, giới tính nữ và cháu Trần Thị Hồng P2, sinh ngày 13/5/2016, giới tính nữ hiện đang sống với chị P. Trong quá trình giải quyết chị P có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cả 02 con chung, điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu T, cháu P2. Ghi nhận sự tự nguyện của chị P về việc không yêu cầu anh M cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Nguyên đơn chị Lê Trúc P phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51; Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật hôn nhân gia đình 2014.
- Căn cứ Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Trúc P về việc xin ly hôn với bị đơn anh Trần Thanh M.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Trúc P được ly hôn với anh Trần Thanh M.

- Về con chung: Giao cháu Trần Thị Anh T, sinh ngày 11/4/2008, giới tính nữ và cháu Trần Thị Hồng P2, sinh ngày 13/5/2016, giới tính nữ cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị P về việc không yêu cầu anh M cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được đảm bảo thực hiện theo quy định các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xét do đương sự không yêu cầu giải quyết

2. Về án phí sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Lê Trúc P phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002688 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GT, tỉnh Kiên Giang. (chị P đã nộp xong).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/01/2023); Bị đơn anh Trần Thanh M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật

thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện GT;
- Chi cục THADS huyện GT;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Hồng Phong

